

CHÍNH PHỦ

Số: /2026/NĐ-CP

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Quản lý, cung cấp và sử dụng phát thanh, truyền hình

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quản lý, cung cấp và sử dụng phát thanh, truyền hình.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Báo chí số 126/2025/QH15, bao gồm:

1. Khoản 6 Điều 18 về cấp Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình, Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh, Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình, Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

2. Khoản 5 Điều 19 về thu hồi Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình, Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh, Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình, Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

3. Khoản 4 Điều 23 về liên kết trong hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình.

4. Khoản 5 Điều 25 về chế độ lưu trữ chương trình đã được truyền dẫn, phát sóng, thông tin về nguồn tín hiệu sử dụng để chuyển tiếp sóng và lưu chiều điện tử phát thanh, truyền hình, đo kiểm và công bố số liệu liên quan đến hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình.

5. Khoản 4 Điều 29 về nền tảng phát thanh số quốc gia, nền tảng truyền hình số quốc gia và công cụ số để thực hiện giám sát hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình trên không gian mạng.

6. Khoản 2 Điều 44 về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

7. Khoản 4 Điều 45 về nguyên tắc cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá và điều kiện, hồ sơ, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh, giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

8. Khoản 5 Điều 46 về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Báo chí số 126/2025/QH15 (sau đây gọi là cơ quan chủ quản báo chí); đài phát thanh, đài truyền hình, đài phát thanh và truyền hình, đơn vị hoạt động truyền hình, báo và phát thanh, truyền hình các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình).

2. Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng phát thanh, truyền hình tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Giấy phép hoạt động phát thanh* là giấy phép hoạt động báo chí được cấp cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh. Trong giấy phép này quy định về kênh chương trình phát thanh đầu tiên của tổ chức được cấp phép.

2. *Giấy phép hoạt động truyền hình* là giấy phép hoạt động báo chí được cấp cho cơ quan báo chí hoạt động truyền hình. Giấy phép này quy định kênh chương trình truyền hình đầu tiên của tổ chức được cấp phép.

3. *Kênh chương trình trong nước* là kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình do các cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình của Việt Nam sản xuất hoặc liên kết sản xuất theo quy định của pháp luật.

4. *Kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu* là kênh chương trình trong nước do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định phù hợp với yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền trong từng giai đoạn, gồm kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương.

5. *Kênh chương trình nước ngoài* là kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình do các hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài sản xuất, có ngôn ngữ thể hiện chính là tiếng nước ngoài.

6. *Chương trình trong nước* là chương trình phát thanh, chương trình truyền hình theo quy định của Luật Báo chí số 126/2025/QH15; chương trình hình ảnh, âm thanh khác do tổ chức Việt Nam sản xuất, bao gồm cả chương trình trực tiếp theo thời điểm diễn ra sự kiện.

7. *Chương trình nước ngoài* là chương trình phát thanh, chương trình truyền hình thuộc kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình nước

ngoài; chương trình hình ảnh, âm thanh khác do tổ chức nước ngoài sản xuất, bao gồm cả chương trình trực tiếp theo thời điểm diễn ra sự kiện.

8. *Hoạt động liên kết sản xuất phát thanh, truyền hình* là hoạt động hợp tác để thực hiện việc sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình, kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước giữa cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động, giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh, giấy phép hoạt động, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình và đối tác liên kết thông qua hợp đồng liên kết.

9. *Lưu trữ chương trình* là việc sử dụng các phương tiện điện tử để thực hiện lưu trữ chương trình phát thanh, chương trình truyền hình.

10. *Lưu chiếu điện tử* là việc sử dụng các phương tiện điện tử để thực hiện việc lưu chiếu.

11. *Hoạt động lưu chiếu điện tử* là việc cơ quan quản lý nhà nước về phát thanh, truyền hình ở trung ương tổ chức tiếp nhận, lưu giữ, bảo quản và sử dụng các sản phẩm phát thanh, truyền hình.

12. *Dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất* là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng mặt đất.

13. *Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp* là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng mạng cáp, áp dụng các công nghệ khác nhau, gồm: Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp tương tự; dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp kỹ thuật số; dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp giao thức Internet (IPTV).

14. *Dịch vụ phát thanh, truyền hình qua vệ tinh* là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng qua vệ tinh.

15. *Dịch vụ phát thanh, truyền hình di động* là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng di động mặt đất, di động qua vệ tinh, qua mạng viễn thông di động mặt đất.

16. *Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet* là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng kết nối mạng Internet thông qua các địa chỉ tên miền của trang thông tin điện tử hoặc địa chỉ Internet xác định do Việt Nam quản lý, gồm cả ứng dụng Internet.

17. *Dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá* là phương thức cung cấp các loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình cho người sử dụng dịch vụ tự do, không áp dụng các biện pháp kỹ thuật để quản lý, kiểm soát hoặc ràng buộc điều kiện thu tín hiệu.

18. *Dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền* là phương thức cung cấp các loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình cho người sử dụng dịch vụ, có áp dụng biện pháp kỹ thuật để quản lý, kiểm soát và ràng buộc điều kiện thu tín hiệu.

19. *Dịch vụ giá trị gia tăng* là dịch vụ cung cấp nội dung làm tăng thêm tiện ích của dịch vụ phát thanh, truyền hình, gắn liền với kênh chương trình phát

thanh, kênh chương trình truyền hình, chương trình phát thanh, chương trình truyền hình, nội dung theo yêu cầu.

20. *Đơn vị cung cấp nội dung* là cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh hoặc giấy phép hoạt động truyền hình hoặc Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình tại Việt Nam, tổ chức, doanh nghiệp sở hữu bản quyền hoặc có thỏa thuận sử dụng bản quyền hợp pháp đối với nội dung cung cấp cho đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình.

21. *Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình* là cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình hoặc doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam đủ điều kiện cung cấp dịch vụ và trực tiếp cung cấp nội dung phát thanh, truyền hình đến người sử dụng dịch vụ.

22. *Hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình* là mạng viễn thông đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình.

23. *Người sử dụng dịch vụ* là tổ chức, cá nhân có thiết bị đầu cuối đáp ứng yêu cầu sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

24. *Thuê bao sử dụng dịch vụ (gọi tắt là thuê bao)* là người sử dụng dịch vụ có giao kết hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền dưới hình thức văn bản giấy hoặc điện tử.

25. *Thiết bị đầu cuối* là thiết bị thu tín hiệu phát thanh, truyền hình tại điểm kết cuối của hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình ở phía người sử dụng.

26. *Thiết bị đầu cuối phát thanh, truyền hình trả tiền* là thiết bị đầu cuối có tích hợp chức năng phù hợp với yêu cầu bảo vệ nội dung và quản lý thuê bao của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

27. *Điểm kết cuối dịch vụ phát thanh, truyền hình* là điểm đầu nối vật lý thuộc mạng viễn thông theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình để bảo đảm việc đầu nối thiết bị đầu cuối vào mạng viễn thông và phân định ranh giới kinh tế, kỹ thuật giữa đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình và người sử dụng dịch vụ.

28. *Trung tâm thu phát* là vị trí các thiết bị phát thanh, truyền hình được thiết lập thành hệ thống để thu, xử lý tín hiệu băng cơ sở và cấp tín hiệu phát thanh, truyền hình đến hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình để cung cấp đến người sử dụng.

29. *Nội dung theo yêu cầu, gồm:* phim, chương trình trong nước, chương trình nước ngoài, chuỗi nội dung (phim, chương trình thể thao, giải trí) được phát sóng liên tục không có dấu hiệu nhận biết.

30. *Cước dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền* là số tiền thuê bao phải chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền để được sử dụng dịch vụ theo ngày hoặc tuần hoặc tháng hoặc năm hoặc từng nội dung theo thỏa thuận của hợp đồng.

Chương II

CẤP, THU HỒI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH, GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TRUYỀN HÌNH, GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH, GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN; LIÊN KẾT TRONG HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH; CHẾ ĐỘ LƯU TRỮ CHƯƠNG TRÌNH, LƯU CHIỀU ĐIỆN TỬ VÀ HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

Điều 4. Giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình

1. Giấy phép hoạt động báo chí do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình bao gồm giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình.

2. Giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình có hiệu lực kể từ ngày cấp.

Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

Điều 5. Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước

1. Cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình được đề nghị sản xuất thêm kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) cấp giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước; cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước của các cơ quan báo chí ở trung ương.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước của các cơ quan báo chí tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước có hiệu lực tối đa 10 (mười) năm kể từ ngày cấp. Cơ quan báo chí có giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước được chủ động cung cấp kênh chương trình sản xuất theo giấy phép cho các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trong cả nước.

Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất kênh phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh truyền hình trong nước do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

Điều 6. Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

1. Điều kiện cấp giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Là cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh hoặc Giấy phép hoạt động truyền hình phù hợp với loại hình kênh chương trình biên tập;

b) Có văn bản chấp thuận và đề nghị cấp giấy phép biên tập của cơ quan chủ quản đối với cơ quan báo chí thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các bộ, ngành; đối với các cơ quan báo chí trung ương, văn bản đề nghị cấp giấy phép phải do người đứng đầu cơ quan hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật cơ quan báo chí ký;

c) Có nhân sự đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn báo chí, có thể nhà báo và trình độ ngoại ngữ phù hợp với kênh chương trình nước ngoài đề nghị cấp giấy phép biên tập;

d) Có năng lực kỹ thuật đáp ứng yêu cầu biên tập, gồm hệ thống thiết bị làm chậm, thiết bị lưu trữ, phương tiện kỹ thuật thu phát tín hiệu phù hợp, bảo đảm công tác biên tập được thực hiện tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này;

đ) Có năng lực tài chính cần thiết thể hiện bởi dự toán chi phí biên tập hoặc biên tập, biên dịch trong 01 (một) năm và văn bản chứng minh nguồn tài chính hợp pháp bảo đảm thực hiện công tác biên tập, biên dịch theo dự toán;

e) Có bản quyền hoặc văn bản cho phép được sử dụng kênh chương trình nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Việc biên tập, quản lý nội dung bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về báo chí, điện ảnh, quảng cáo và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Việc biên tập, thực hiện cảnh báo nội dung bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về trẻ em, điện ảnh và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

4. Việc biên dịch kênh chương trình nước ngoài phải bảo đảm tôn trọng, bảo tồn sự trong sáng của tiếng Việt.

5. Việc cấp giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được thực hiện với từng kênh chương trình và phù hợp với chiến lược, kế hoạch và chính sách của Nhà nước về phát triển và quản lý báo chí toàn quốc.

6. Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có thời hạn tối đa là 10 (mười) năm kể từ ngày cấp, nhưng không vượt quá thời hạn ghi trong văn bản thỏa thuận bản quyền kênh chương trình.

Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

Điều 7. Thu hồi giấy phép

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thu hồi giấy phép trong các trường hợp sau đây:

1. Cơ quan báo chí có giấy phép nhưng không hoạt động
 - a) Sau 09 (chín) tháng kể từ ngày giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình có hiệu lực, cơ quan báo chí không phát sóng kênh chương trình theo giấy phép hoạt động được cấp.
 - b) Sau 06 (sáu) tháng kể từ ngày giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước có hiệu lực, cơ quan báo chí không phát sóng kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước theo giấy phép được cấp.
 - c) Sau 03 (ba) tháng kể từ ngày giấy phép biên tập kênh chương trình phát thanh nước ngoài, kênh chương trình truyền hình nước ngoài có hiệu lực, cơ quan báo chí không cung cấp tín hiệu kênh chương trình đến các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.
2. Trong quá trình hoạt động, cơ quan báo chí tạm ngừng quá 09 (chín) tháng đối với hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình; tạm ngừng quá 06 (sáu) tháng đối với hoạt động sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước; tạm ngừng quá 03 (ba) tháng đối với hoạt động biên tập kênh chương trình phát thanh nước ngoài, kênh chương trình truyền hình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.
3. Cơ quan báo chí không đảm bảo các điều kiện hoạt động theo quy định của Luật Báo chí số 126/2025/QH15 và một trong các điều kiện hoạt động sau:
 - a) Về nhân sự người đứng đầu cơ quan báo chí: Trong thời hạn 06 tháng cơ quan chủ quản không lựa chọn được người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn và thực hiện quy trình đề bổ nhiệm giữ chức vụ người đứng đầu, người được giao nhiệm vụ người đứng đầu cơ quan báo chí để đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến bổ nhiệm theo quy định;
 - b) Không đảm bảo điều kiện về tài chính để duy trì hoạt động của cơ quan báo chí: Nợ ngân sách nhà nước gồm nợ thuế theo quy định của pháp luật về thuế; tiền phạt, nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định về xử lý vi phạm trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm quyền; nợ đóng bảo hiểm xã hội quá thời hạn 12 (mười hai) tháng, thanh toán tiền lương chậm quá 12 (mười hai) tháng và nợ các khoản liên quan khác đến người lao động.
4. Cơ quan báo chí thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 8 Luật Báo chí số 126/2025/QH15.
5. Trường hợp không còn nhu cầu hoạt động phát thanh hoặc hoạt động truyền hình, chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt

động, cơ quan chủ quản báo chí thông báo bằng văn bản cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thu hồi giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;

Trường hợp không còn nhu cầu sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước, không còn nhu cầu biên tập kênh chương trình phát thanh nước ngoài, kênh chương trình truyền hình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày dự kiến chấm dứt sản xuất, chấm dứt biên tập, cơ quan báo chí thông báo bằng văn bản cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thu hồi các giấy phép này và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

6. Trường hợp cơ quan báo chí bị thu hồi giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình thì cơ quan báo chí phải chấm dứt hoạt động và toàn bộ giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước, giấy phép biên tập kênh chương trình phát thanh nước ngoài, kênh chương trình truyền hình nước ngoài hết hiệu lực.

7. Cơ quan báo chí sau khi bị thu hồi giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước, giấy phép biên tập kênh chương trình phát thanh nước ngoài, kênh chương trình truyền hình nước ngoài, nếu có nhu cầu và đáp ứng các điều kiện theo quy định, thì thực hiện hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị cấp giấy phép sau thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực đối với giấy phép sản xuất kênh phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước; sau thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực đối với giấy phép biên tập kênh chương trình phát thanh nước ngoài, kênh chương trình truyền hình nước ngoài.

Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy phép như cấp lần đầu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 8. Liên kết trong hoạt động phát thanh, truyền hình

1. Cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước được lựa chọn và chịu trách nhiệm về đối tác là tổ chức có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, cá nhân có đăng ký kinh doanh phù hợp với lĩnh vực liên kết theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình.

2. Cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước được thực hiện hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình thuộc các lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Báo chí số 126/2025/QH15.

3. Cơ quan báo chí được thực hiện hoạt động liên kết sản xuất chương trình nhưng không vượt quá 30% tổng thời lượng chương trình phát sóng lần 1 (một) trên kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định của nhà nước và kênh thời sự - chính trị tổng hợp; được thực hiện hoạt động liên kết sản xuất chương trình hoặc toàn bộ kênh chương trình đối

với kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước.

4. Cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước khi thực hiện hoạt động liên kết sản xuất có trách nhiệm:

a) Quyết định nội dung phát sóng bảo đảm phù hợp quy định của pháp luật về báo chí;

b) Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về phát thanh, truyền hình bằng văn bản khi thực hiện chương trình liên kết mới;

c) Kiểm soát và chịu trách nhiệm về nội dung để bảo đảm các chương trình, kênh chương trình liên kết được biên tập, phân loại trước khi phát sóng hoặc cung cấp đến các nền tảng truyền thông số;

d) Kiểm soát và chịu trách nhiệm về hoạt động của đối tác liên kết liên quan trực tiếp đến việc tổ chức sản xuất chương trình, kênh chương trình liên kết.

5. Cơ quan báo chí có hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình phải có văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng liên kết với đối tác liên kết. Trong văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng liên kết phải quy định rõ quyền lợi và trách nhiệm của đối tác liên kết; cơ chế hợp tác sản xuất chương trình, kênh chương trình; đối tác liên kết được trả quyền lợi từ hoạt động quảng cáo, tài trợ hoặc nguồn thu hợp pháp khác của cơ quan báo chí khi phát sóng chính chương trình, kênh chương trình liên kết; đối tác liên kết không được sử dụng các chương trình chưa được cơ quan báo chí biên tập và đồng ý cho đăng tải trên các nền tảng truyền thông số; nhân viên, cộng tác viên của đối tác liên kết khi tham gia sản xuất nội dung liên kết không được lấy danh nghĩa phóng viên, biên tập viên, nhà báo của cơ quan báo chí.

6. Trường hợp cơ quan báo chí sử dụng tài sản công để thực hiện liên kết trong hoạt động phát thanh, truyền hình tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật Báo chí số 126/2025/QH15 và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Điều kiện đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam

1. Các kênh chương trình nước ngoài cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có nội dung lành mạnh, phù hợp văn hóa Việt Nam, không vi phạm những quy định của pháp luật về báo chí của Việt Nam;

b) Đáp ứng yêu cầu quyền sở hữu hoặc sử dụng bản quyền nội dung khi cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam;

c) Đã được chứng nhận đăng ký cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định tại Điều 10 Nghị định này;

d) Được một cơ quan báo chí có giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định tại Điều 6 Nghị

định này thực hiện biên tập, biên dịch và chịu trách nhiệm về nội dung biên tập, biên dịch;

đ) Không bao gồm nội dung quảng cáo được cài đặt sẵn từ nước ngoài. Các nội dung quảng cáo (nếu có) phải được cài đặt tại Việt Nam. Cơ quan báo chí được cấp giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền thực hiện cài đặt quảng cáo, chịu trách nhiệm về thời lượng, nội dung quảng cáo bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về quảng cáo.

2. Đại lý được ủy quyền tại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định pháp luật Việt Nam;
- b) Được các hãng truyền hình nước ngoài ủy quyền làm đại lý cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam;

Trường hợp hãng truyền hình nước ngoài thực hiện ủy quyền đồng thời từ 02 (hai) đại lý trở lên phải quy định rõ phạm vi ủy quyền cho mỗi đại lý;

c) Có trách nhiệm đăng ký cung cấp các kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử);

d) Thực hiện đúng các quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) cấp;

đ) Thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Đối với các kênh chương trình nước ngoài không thu phí bản quyền nội dung, các hãng truyền hình nước ngoài chỉ thực hiện thủ tục biên tập, biên dịch theo quy định, không phải thông qua đại lý được ủy quyền tại Việt Nam.

Điều 10. Hồ sơ, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

1. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Đơn đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo biểu mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao Giấy phép hoạt động của hãng truyền hình nước ngoài là chủ sở hữu kênh chương trình nước ngoài kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực;

c) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hợp pháp còn hiệu lực pháp lý đối với kênh chương trình phù hợp với pháp luật của quốc gia mà hãng truyền hình nước ngoài sở hữu kênh chương trình đó đăng ký hoạt động, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực đối với trường hợp văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài;

d) Bản sao văn bản xác nhận của hãng truyền hình nước ngoài về việc ủy quyền cho doanh nghiệp làm đại lý cung cấp các kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch đối với trường hợp văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài;

đ) Văn bản mô tả của hãng truyền hình nước ngoài về nội dung kênh chương trình; khung phát sóng của kênh chương trình trong vòng 01 (một) tháng và khung chương trình này có thời gian không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày nộp hồ sơ, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch đối với trường hợp văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài.

2. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Doanh nghiệp được ủy quyền làm đại lý cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) bằng một trong các hình thức sau: Nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có thông báo cho doanh nghiệp bằng văn bản giấy hoặc điện tử và nêu rõ lý do;

b) Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền cho doanh nghiệp theo biểu mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp không cấp giấy chứng nhận, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản giấy hoặc điện tử trả lời nêu rõ lý do.

3. Thời hạn Giấy chứng nhận

Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có hiệu lực tối đa 05 (năm) năm kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn có hiệu lực ghi trong văn bản ủy quyền làm đại lý.

Điều 11. Hồ sơ, thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

1. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài

a) Trường hợp thay đổi chủ sở hữu kênh chương trình nước ngoài, thể loại kênh chương trình, nội dung kênh chương trình, doanh nghiệp thực hiện hồ sơ, thủ tục đăng ký áp dụng như hồ sơ, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký lần đầu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 Nghị định này;

b) Trường hợp thay đổi khác với quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, doanh nghiệp có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký nêu rõ lý do và thuyết minh chi tiết những nội dung đề nghị thay đổi kèm theo văn bản của hãng truyền hình nước ngoài xác nhận về những nội dung thay đổi; văn bản

mô tả của hãng truyền hình nước ngoài về nội dung kênh chương trình; khung phát sóng của kênh chương trình trong vòng 01 (một) tháng và khung này có thời gian trong vòng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày nộp hồ sơ, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch đối với trường hợp văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài.

2. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Doanh nghiệp được ủy quyền làm đại lý cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) bằng một trong các hình thức sau: Nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có thông báo cho doanh nghiệp bằng văn bản giấy hoặc điện tử và nêu rõ lý do.

b) Trong thời hạn 16 (mười sáu) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) cấp giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

Trường hợp không cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản giấy hoặc điện tử trả lời nêu rõ lý do.

Điều 12. Lưu chiếu phát thanh, truyền hình

1. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

a) Xây dựng hoặc thuê, vận hành và quản lý hệ thống lưu chiếu điện tử để lưu giữ, bảo quản và sử dụng các chương trình, kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình theo quy định của pháp luật;

b) Đánh giá, nhận xét về nội dung các chương trình, kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình được lưu chiếu theo yêu cầu của công tác quản lý;

c) Kiểm tra nội dung các chương trình, kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình lưu chiếu, phát hiện và xử lý đối với các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật;

d) Khai thác dữ liệu hệ thống phục vụ công tác quản lý nhà nước và dịch vụ theo quy định.

2. Trách nhiệm của cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình

a) Cung cấp tín hiệu truyền dẫn các chương trình, kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình đã truyền dẫn, phát sóng và xuất bản trên không gian mạng theo yêu cầu của cơ quan thực hiện lưu chiếu;

b) Đảm bảo tính thống nhất, chính xác giữa nội dung đã truyền dẫn, phát sóng và xuất bản trên không gian mạng với nội dung cung cấp cho cơ quan thực hiện lưu chiếu;

c) Lưu chiếu toàn bộ chương trình, kênh chương trình đã truyền dẫn, phát sóng và xuất bản trên không gian mạng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày truyền dẫn, phát sóng, xuất bản trên không gian mạng.

3. Quy trình kết nối lưu chiếu phát thanh, truyền hình

a) Cơ quan thực hiện lưu chiếu phát thanh, truyền hình có văn bản thông báo cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình để kết nối theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Trong văn bản thông báo phải nêu phương án kết nối, truyền dẫn tín hiệu đã phát sóng và xuất bản trên không gian mạng về hệ thống lưu chiếu điện tử của cơ quan thực hiện lưu chiếu, thời gian, địa điểm thực hiện kết nối.

b) Chậm nhất 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo về phương án kết nối, cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình phải có văn bản trả lời, thống nhất việc kết nối với cơ quan thực hiện lưu chiếu.

c) Sau khi kết nối, cơ quan thực hiện lưu chiếu kiểm tra, đảm bảo nội dung đã được lưu tại hệ thống và xác nhận với cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình sau 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được nội dung các chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình.

d) Cơ quan thực hiện lưu chiếu tổ chức lưu giữ nguyên trạng nội dung các chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình trên hệ thống lưu chiếu tối thiểu là 06 (sáu) tháng kể từ ngày đăng tải, phát sóng lần đầu phục vụ công tác quản lý.

4. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho hoạt động lưu chiếu và được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, gồm:

a) Mua sắm hoặc thuê công cụ, dụng cụ, trang thiết bị, phương tiện để quản lý, duy trì hệ thống lưu chiếu phát thanh, truyền hình.

b) Tổng hợp, phân tích, báo cáo về kết quả đánh giá chất lượng nội dung thông tin trên phát thanh, truyền hình

c) Các hoạt động khác phục vụ hoạt động lưu chiếu phát thanh, truyền hình.

Điều 13. Xuất khẩu, nhập khẩu chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình

1. Các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình hoặc doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu được thực hiện xuất khẩu các chương trình, kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình

truyền hình trong nước, đảm bảo quy định của pháp luật liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xuất khẩu.

2. Cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình, doanh nghiệp được thành lập theo quy định pháp luật Việt Nam được thực hiện nhập khẩu các chương trình, kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình nước ngoài.

Các kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam phải được cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình thực hiện biên tập trước khi cung cấp đến người sử dụng theo quy định tại Điều 6 của Nghị định này.

Điều 14. Nền tảng số phát thanh, truyền hình quốc gia và công cụ số giám sát hoạt động phát thanh, truyền hình trên không gian mạng

1. Nền tảng số phát thanh, truyền hình quốc gia là nền tảng số báo chí quốc gia, cung cấp các kênh chương trình phát thanh hoặc kênh chương trình truyền hình hoặc kênh chương trình phát thanh và truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương đến người dân, tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan báo chí truyền thông chủ lực đa phương tiện hoặc doanh nghiệp nhà nước được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền xây dựng, quản lý và vận hành.

2. Trong trường hợp chưa có quy định hướng dẫn cụ thể của pháp luật, đối với việc thử nghiệm có kiểm soát các sản phẩm dịch vụ dựa trên công nghệ mới, ứng dụng trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình, phát triển nền tảng số, phát triển người dùng, cơ quan, đơn vị phải lập đề án thử nghiệm trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Nền tảng số phát thanh, truyền hình quốc gia phải được cài đặt sẵn hoặc tích hợp trên tất cả các thiết bị điện thoại di động thông minh và tivi thông minh có kết nối Internet được phân phối, sử dụng tại Việt Nam.

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quyết định về khung tiêu chí, quy trình công nhận nền tảng phát thanh số quốc gia, nền tảng truyền hình số quốc gia, nền tảng phát thanh, truyền hình số quốc gia.

5. Công cụ số để giám sát hoạt động phát thanh, truyền hình trên không gian mạng là một hệ thống công nghệ thông tin được thiết kế để hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước giám sát hoạt động phát thanh, truyền hình và có chức năng thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu về nội dung, phạm vi tiếp cận, lượt nghe, xem, chia sẻ và các chỉ số liên quan khác.

6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) xây dựng hoặc thuê công cụ số để thực hiện giám sát hoạt động phát thanh, truyền hình trên không gian mạng.

Điều 15. Kênh nội dung trên không gian mạng

1. Các cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản giấy hoặc điện tử về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

theo biểu mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kênh nội dung của cơ quan bắt đầu hoạt động trên mạng xã hội trong và ngoài nước hoặc trên nền tảng số quốc gia. Cơ quan báo chí phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo.

2. Các cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình chịu trách nhiệm về các thông tin cung cấp trên kênh nội dung của cơ quan, đảm bảo tuân thủ đúng tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí đã được ghi trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp; tuân thủ các quy định của Luật Báo chí số 126/2025/QH15, các quy định về bản quyền, về an ninh mạng và quy định của Nghị định này.

3. Việc đăng, phát kênh nội dung trên các nền tảng mạng xã hội trong và ngoài nước hoặc nền tảng số quốc gia của cơ quan báo chí phải có dấu hiệu nhận biết thống nhất.

Chương III

QUẢN LÝ, CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

Điều 16. Chính sách quản lý dịch vụ phát thanh, truyền hình

1. Phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá trên toàn quốc bằng công nghệ hiện đại để mọi người dân dễ dàng tiếp cận các chương trình, kênh chương trình trong nước; triển khai phủ sóng qua vệ tinh theo phương thức quảng bá tại các địa bàn khó khăn không có sóng mặt đất để mọi người dân thu, xem được các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương.

2. Phát triển thị trường dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền bền vững, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng nhằm huy động nguồn lực xã hội góp phần phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền và đáp ứng nhu cầu giải trí lành mạnh, đa dạng của người dân.

3. Tạo điều kiện thuận lợi để huy động, sử dụng các nguồn lực xã hội tham gia sản xuất các chương trình, kênh chương trình trong nước theo hình thức liên kết nhằm nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân; bảo vệ và phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa tốt đẹp của dân tộc, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

4. Quản lý việc cung cấp nội dung thông tin trên dịch vụ phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật về báo chí, điện ảnh; quản lý hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật về viễn thông.

Quản lý hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam, bao gồm cả dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet cung cấp xuyên biên giới tới người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan.

5. Kiểm tra, đánh giá hiệu quả nội dung thông tin, chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình bằng việc ứng dụng công nghệ số, thực hiện lưu chiều, đo lường khán, thính giả, điều tra xã hội học, đo kiểm kỹ thuật.

6. Xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách của Nhà nước đối với hoạt động dịch vụ phát thanh, truyền hình; xây dựng, ban hành các quy chuẩn kỹ thuật đối với hạ tầng kỹ thuật cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình; thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động dịch vụ phát thanh, truyền hình.

7. Tạo điều kiện thuận lợi cho Hiệp hội truyền hình trả tiền và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình hoạt động hiệu quả để góp phần thúc đẩy phát triển thị trường dịch vụ phát thanh, truyền hình phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 17. Nguyên tắc cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá

1. Phổ cập dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá trên phạm vi cả nước, trong đó tập trung ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn.

2. Bảo đảm phù hợp các quy hoạch của nhà nước về báo chí; truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình; phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình.

3. Bảo đảm phù hợp với các quy định về quản lý tài nguyên Internet và tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về viễn thông và tần số vô tuyến điện.

4. Bảo đảm nội dung dịch vụ phù hợp với các quy định về quản lý nội dung thông tin theo quy định của pháp luật về báo chí và quy định tại Nghị định này.

5. Bảo đảm tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật của nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa lĩnh vực phát thanh, truyền hình theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Có kế hoạch dành dung lượng truyền dẫn để thực hiện truyền dẫn phát sóng trên dịch vụ các kênh chương trình theo nguyên tắc quy định tại điểm a khoản 9 Điều này và theo phân công trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền.

7. Chấp hành các quy định của nhà nước về quản lý nội dung thông tin và bảo vệ sở hữu bản quyền nội dung chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình; chấp hành chế độ báo cáo nghiệp vụ cho cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương theo quy định.

8. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

9. Nội dung thông tin trên dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá, gồm:

a) Các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương. Danh mục kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương dựa trên tôn chỉ, mục đích của kênh và phù hợp với yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền theo từng giai đoạn do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định;

b) Các kênh chương trình trong nước được phép cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá;

c) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá phải thực hiện thông báo lần đầu danh mục kênh chương trình cung cấp trên dịch vụ cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) trước khi cung cấp dịch vụ.

Điều 18. Điều kiện cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

1. Điều kiện đối với kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Các kênh chương trình phát thanh, truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia phải được cung cấp đến tất cả thuê bao, bảo đảm tính nguyên vẹn về nội dung, bản quyền và chất lượng kỹ thuật khi truyền dẫn, phát sóng và truyền tải kênh chương trình;

Trường hợp đơn vị chỉ cung cấp dịch vụ phát thanh trả tiền, đơn vị phải cung cấp đầy đủ các kênh chương trình phát thanh phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia.

Trường hợp đơn vị chỉ cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền, đơn vị phải cung cấp đầy đủ các kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia.

b) Các kênh chương trình phát thanh, truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương phải được cung cấp đến các thuê bao tại địa phương nơi đơn vị cung cấp dịch vụ theo địa bàn hành chính, trừ trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ sử dụng công nghệ truyền dẫn, phát sóng không có khả năng chèn hoặc thay thế kênh chương trình trên địa bàn hành chính đó;

c) Điểm nhận tín hiệu kênh chương trình phát thanh, truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu thực hiện theo thỏa thuận giữa cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình và đơn vị cung cấp dịch vụ. Cơ quan báo chí quyết định điểm nhận tín hiệu từ Tổng khống chế của cơ quan báo chí hoặc từ một địa điểm có vị trí thuận lợi, gần nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật để bảo đảm chất lượng tín hiệu và tiết kiệm chi phí truyền dẫn của đơn vị cung cấp dịch vụ;

d) Trường hợp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet theo yêu cầu thì không phải cung cấp các kênh chương trình phát thanh, truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia, địa phương đến thuê bao;

đ) Các kênh chương trình nước ngoài và kênh chương trình trong nước khác do đơn vị cung cấp dịch vụ quyết định;

e) Số lượng kênh chương trình nước ngoài khai thác trên mỗi dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền không vượt quá 30% tổng số kênh chương trình khai thác.

2. Điều kiện đối với hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch, phân loại nội dung theo yêu cầu

a) Chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội: Phải được cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình sản xuất, biên tập trước khi cung cấp trên dịch vụ;

b) Phim: Trước khi cung cấp trên dịch vụ, đơn vị cung cấp dịch vụ phải bảo đảm điều kiện thực hiện phân loại phim theo quy định của Chính phủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, kết quả phân loại phim theo tiêu chí phân loại do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định; trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ chưa bảo đảm điều kiện thực hiện phân loại phim thì đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ủy quyền thực hiện phân loại đối với phim chưa được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng;

c) Chương trình thể thao, giải trí: Phải được biên tập, phân loại trước khi cung cấp trên dịch vụ và hiển thị cảnh báo trong khi cung cấp dịch vụ, bảo đảm không vi phạm các điều cấm theo quy định pháp luật Việt Nam. Đơn vị cung cấp dịch vụ căn cứ nguyên tắc biên tập, phân loại và cảnh báo nội dung theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định của pháp luật liên quan để thực hiện hoạt động biên tập, phân loại;

d) Biên dịch nội dung theo yêu cầu phải bảo đảm tôn trọng, bảo tồn sự trong sáng của tiếng Việt, bảo đảm không vi phạm các điều cấm theo quy định pháp luật Việt Nam. Nội dung biên dịch đối với từng loại chương trình (nếu có) được thực hiện biên tập, phân loại như quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này;

đ) Nội dung dịch vụ giá trị gia tăng, quảng cáo phải được thực hiện biên tập, phân loại như quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này và quy định pháp luật liên quan;

e) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan ngăn chặn việc phổ biến các nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu không thực hiện biên tập, phân loại theo các quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này;

g) Nội dung theo yêu cầu, nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng, nội dung quảng cáo: Phải lập hồ sơ có đầy đủ thông tin về thể loại nội dung, đơn vị biên tập, phân loại, cảnh báo, thời gian cung cấp trên dịch vụ, thời hạn bản quyền phục vụ báo cáo nghiệp vụ và kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

3. Điều kiện đối với bản quyền nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình

a) Các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định của pháp luật được tiếp phát, truyền tải nguyên vẹn trên dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam thông qua thỏa thuận điểm nhận tín hiệu giữa cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình và đơn vị cung cấp dịch vụ;

b) Các kênh chương trình khác trên dịch vụ phát thanh, truyền hình phải bảo đảm có văn bản chứng minh bản quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật, tính nguyên vẹn của chương trình, kênh chương trình, trừ trường hợp cài đặt tên, biểu tượng (lôgô) của đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định của khoản 4 điều này;

c) Các nội dung theo yêu cầu, nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng phải bảo đảm có văn bản chứng minh bản quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật, tính nguyên vẹn của chương trình, phim đã được phát trên kênh, bao gồm cả tên, biểu tượng (logo) của kênh chương trình và bảo đảm tuân thủ hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận bản quyền; tính nguyên vẹn của nội dung chương trình sau khi được biên tập, phân loại theo quy định tại khoản 2 điều này.

4. Điều kiện đối với tên, biểu tượng đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình

a) Có khả năng nhận dạng dễ dàng;

b) Không trùng với tên, biểu tượng đã đăng ký trước đó;

c) Đặt ở 01 (một) trong 04 (bốn) góc của màn hình và không chồng lên biểu tượng của đơn vị cung cấp nội dung hoặc biểu tượng của kênh chương trình;

d) Có văn bản chứng nhận hoặc cam kết sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật đối với biểu tượng (lôgô) dịch vụ. Biểu tượng dịch vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải đăng ký cùng với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền hoặc hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền trong trường hợp sửa đổi, bổ sung tên, biểu tượng dịch vụ;

đ) Không cài đặt tên, biểu tượng dịch vụ trên các kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định của Nhà nước;

e) Chủ động chọn ít nhất 2 kênh chương trình trong danh mục kênh chương trình cung cấp trên dịch vụ để thực hiện cài đặt tên, biểu tượng (lôgô) cho mục đích nhận dạng đơn vị cung cấp dịch vụ.

5. Điều kiện được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc cơ quan báo chí chủ lực đa phương tiện có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình hoặc cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình có cơ chế tài chính như doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư;

b) Có Giấy phép viễn thông hoặc có thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông đáp ứng yêu cầu kỹ thuật truyền dẫn dịch vụ đến các thuê bao kết nối với mạng viễn thông đó đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất, dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp, dịch vụ phát thanh, truyền hình qua vệ tinh, dịch vụ phát thanh, truyền hình di động; có xác nhận đăng ký tên miền “.vn” hoặc địa chỉ

Internet xác định do Việt Nam quản lý để cung cấp dịch vụ đến thuê bao đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet;

c) Có các phương án: Bố trí nguồn nhân lực; đầu tư trang thiết bị kỹ thuật; kế hoạch kinh doanh và giá cước dịch vụ, dự toán chi phí đầu tư và chi phí hoạt động ít nhất trong 2 (hai) năm đầu tiên;

d) Có phương án thiết lập trung tâm thu phát tất cả các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài tập trung ở một địa điểm, trừ các kênh chương trình thuộc danh mục kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương, gồm: Thiết kế kỹ thuật hệ thống thiết bị xử lý tín hiệu, thiết bị kết nối đến mạng truyền dẫn, thiết bị quản lý dịch vụ, quản lý thuê bao và bảo vệ nội dung;

đ) Có phương án áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại phù hợp quy định của nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn an ninh thông tin; xử lý kịp thời các sự cố kỹ thuật bảo đảm tính liên tục của dịch vụ và quyền lợi của thuê bao;

e) Có dự kiến danh mục kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài, nội dung theo yêu cầu, nội dung giá trị gia tăng sẽ cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

g) Có văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ, thông tin tuyên truyền thiết yếu quốc gia, thiết yếu địa phương, trừ trường hợp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet theo yêu cầu.

6. Điều kiện đối với nghĩa vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Chấp hành các quy định của nhà nước về quản lý nội dung thông tin và bảo vệ sở hữu bản quyền nội dung chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình và các nội dung khác trên dịch vụ;

b) Chấp hành các quy định của nhà nước về phí, lệ phí, giá và hợp đồng cung cấp dịch vụ;

c) Chấp hành các quy định trong Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được cấp;

d) Chấp hành chế độ báo cáo nghiệp vụ cho cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương theo quy định;

đ) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có mạng viễn thông chấp hành các quy định về sở hữu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về viễn thông;

e) Niêm yết giá dịch vụ, giá gói dịch vụ gắn với các thông tin, thông số kỹ thuật cơ bản của dịch vụ, gói dịch vụ tại các cơ sở kinh doanh có quầy giao dịch cung cấp dịch vụ, trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp (nếu có) và các địa điểm khác do đơn vị cung cấp dịch vụ quyết định theo quy định của pháp luật;

g) Không được mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền dưới mọi hình thức;

h) Bảo đảm tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật của nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa lĩnh vực phát thanh, truyền hình theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

i) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

k) Chấp hành quy định về điều kiện được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền trong suốt thời gian Giấy phép còn hiệu lực;

l) Cung cấp các thông tin về đối tượng, địa điểm, thiết bị xem kênh chương trình thực hiện nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương trong phạm vi cho phép của Luật dữ liệu cá nhân cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) và đơn vị sở hữu kênh chương trình khi có yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng nội dung, tối ưu việc phân phối chương trình.

Điều 19. Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

1. Hồ sơ cấp giấy phép bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo biểu mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Đề án cung cấp dịch vụ thuyết minh rõ: Loại hình, nội dung, phạm vi cung cấp dịch vụ; phương án kỹ thuật cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trực tuyến và dịch vụ phát thanh, truyền hình theo yêu cầu (nếu có); phương tiện thanh toán; quy trình giải quyết khiếu nại; dự kiến các điều khoản về quyền lợi, trách nhiệm của các bên trong ký kết hợp đồng cung cấp, sử dụng dịch vụ theo biểu mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Bản sao giấy phép viễn thông hoặc bản sao văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông của đơn vị có giấy phép viễn thông còn hiệu lực đáp ứng yêu cầu kỹ thuật truyền dẫn dịch vụ đến các thuê bao kết nối với mạng viễn thông đó đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất, dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp, dịch vụ phát thanh, truyền hình qua vệ tinh, dịch vụ phát thanh, truyền hình di động. Nội dung thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông phải có quy chế phối hợp với đơn vị có mạng viễn thông hoặc giải pháp kỹ thuật bổ sung để xử lý sự cố, bảo đảm chất lượng và tính liên tục của dịch vụ;

d) Văn bản chứng nhận hoặc cam kết sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật đối với biểu tượng (lôgô) dịch vụ.

2. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép

a) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) bằng một trong các hình thức sau: Nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia và đơn vị phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện

tử) có thông báo cho đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền bằng văn bản giấy hoặc điện tử và nêu rõ lý do;

b) Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) cấp giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo biểu mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Trường hợp không cấp giấy phép, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản giấy hoặc điện tử trả lời nêu rõ lý do.

3. Thời hạn Giấy phép

Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có thời hạn hiệu lực tối đa trong 10 (mười) năm kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn hiệu lực ghi trong giấy phép viễn thông hoặc văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng hạ tầng mạng viễn thông.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

1. Các trường hợp thay đổi về Trung tâm thu phát, công nghệ kỹ thuật, loại hình dịch vụ thì đơn vị thực hiện hồ sơ, thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép áp dụng như hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này.

2. Các trường hợp thay đổi các nội dung khác ghi trong giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, đơn vị phải có văn bản đề nghị kèm theo bản thuyết minh các nội dung thay đổi, nộp về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) bằng một trong các hình thức sau: Nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia và đơn vị phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có thông báo cho đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền bằng văn bản giấy hoặc điện tử và nêu rõ lý do;

4. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

Trường hợp không cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản giấy hoặc điện tử trả lời nêu rõ lý do.

5. Các trường hợp thay đổi về địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì đơn vị phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp giấy phép trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày chính thức thay đổi.

Điều 21. Thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

1. Các trường hợp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền bao gồm:

a) Sau thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, nếu đơn vị được cấp giấy phép không thực hiện việc cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

b) Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, đơn vị được cấp giấy phép không có hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

c) Đơn vị được cấp giấy phép không chấp hành quy định về điều kiện cấp giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

2. Trường hợp giấy phép hết hiệu lực, giấy phép bị thu hồi, đơn vị muốn tiếp tục cung cấp dịch vụ phải thực hiện hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này.

Điều 22. Đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình

1. Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá

Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá được chủ động lựa chọn danh mục kênh chương trình trong nước phù hợp quy định tại điểm a, b khoản 9 Điều 17 Nghị định này để cung cấp trên dịch vụ và không phải thực hiện thủ tục đăng ký danh mục kênh.

2. Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải thực hiện đăng ký lần đầu danh mục các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài;

b) Trong quá trình triển khai cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, nếu có thay đổi so với danh mục kênh chương trình đã đăng ký, các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền thực hiện thông báo về việc sửa đổi, bổ sung danh mục kênh chương trình tới Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;

c) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền không phải thực hiện đăng ký danh mục nội dung theo yêu cầu và nội dung giá trị gia tăng. Các nội dung theo yêu cầu và nội dung giá trị gia tăng trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Yêu cầu đối với nội dung theo yêu cầu và nội dung giá trị gia tăng

a) Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bản quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định này;

b) Được thực hiện biên tập, phân loại trước khi cung cấp trên dịch vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định này;

c) Nội dung quảng cáo (nếu có) được đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện biên tập bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam về quảng cáo và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

d) Nội dung theo yêu cầu, nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng, nội dung quảng cáo: Phải lập hồ sơ có đầy đủ thông tin về thể loại nội dung, đơn vị biên tập, phân loại, cảnh báo, thời hạn bản quyền phục vụ báo cáo nghiệp vụ và kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

4. Hồ sơ đăng ký lần đầu danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Tờ khai đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo biểu mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao văn bản thỏa thuận bản quyền đối với kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đăng ký;

c) Bản sao văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu;

5. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Hồ sơ đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền lần đầu được đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền thực hiện trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

b) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này về Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử bằng một trong các hình thức sau: Nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia và đơn vị phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử có thông báo cho đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền bằng văn bản giấy hoặc điện tử và nêu rõ lý do.

c) Trong thời hạn 16 (mười sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử cấp giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo biểu mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp không cấp giấy chứng nhận, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử có văn bản giấy hoặc điện tử trả lời nêu rõ lý do.

6. Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có thay đổi danh mục kênh chương trình so với danh mục kênh chương trình đã được cấp giấy chứng nhận thì gửi thông báo bằng văn bản giấy hoặc điện tử theo biểu mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này về Cục Phát thanh, truyền hình và

thông tin điện tử ít nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước khi thực hiện cung cấp dịch vụ theo danh mục kênh chương trình mới.

Điều 23. Thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh

1. Thu tín hiệu truyền hình thuộc dịch vụ phát thanh, truyền hình

Người sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam được lắp đặt thiết bị thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh để thu xem các kênh chương trình truyền hình thuộc dịch vụ truyền hình qua vệ tinh của Việt Nam mà không phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.

2. Thu tín hiệu truyền hình không thuộc dịch vụ phát thanh, truyền hình

a) Thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh không thuộc dịch vụ truyền hình qua vệ tinh của Việt Nam là thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh để thu xem các kênh chương trình truyền hình nước ngoài không qua biên tập bởi cơ quan báo chí;

b) Các đối tượng sau đây được thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh để khai thác thông tin phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ, gồm: Các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội ở trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Các cơ quan báo chí; Các cơ quan, tổ chức ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam; Văn phòng đại diện, văn phòng thường trú của các hãng thông tấn, báo chí nước ngoài tại Việt Nam;

c) Các tổ chức không quy định tại điểm b khoản này có người nước ngoài làm việc, hộ gia đình và cá nhân người nước ngoài chỉ được thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh nếu các kênh chương trình đó chưa được cung cấp trên hệ thống truyền hình trả tiền của Việt Nam tại địa phương nơi tổ chức, gia đình và cá nhân đó thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu;

d) Các doanh nghiệp có giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh không qua biên tập để cung cấp cho các đối tượng quy định tại điểm b, điểm c khoản này không có điều kiện hoặc nhu cầu thiết lập riêng hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh, các khách sạn đã được đăng ký hoạt động hợp pháp có người nước ngoài lưu trú;

đ) Các đối tượng quy định tại điểm b, điểm c khoản này phải thực hiện đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh với Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại địa phương nơi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu;

e) Các doanh nghiệp có giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và có thỏa thuận hoặc giao kết hợp đồng cung cấp tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh không qua biên tập cho các đối tượng quy định tại điểm d khoản này phải thực hiện đăng ký làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh với Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại địa phương nơi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu;

g) Đối với các kênh chương trình nước ngoài cung cấp trực tiếp qua vệ tinh có truyền dẫn qua Internet thì đơn vị cung cấp dịch vụ có giấy phép cung cấp dịch

vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được thiết lập hệ thống thu tín hiệu qua truyền dẫn Internet để cung cấp cho các đối tượng quy định tại điểm d khoản này thực hiện thủ tục đăng ký với Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch như đối với thủ tục thu tín hiệu trực tiếp từ vệ tinh.

Điều 24. Hồ sơ, thủ tục đăng ký thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh

1. Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm quản lý và xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh trên địa bàn được giao quản lý.

2. Hồ sơ, thủ tục đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh được quy định như sau:

a) Tờ khai đăng ký theo biểu mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao các loại giấy tờ sau: Giấy phép thành lập hoặc văn bản pháp lý tương đương đối với các tổ chức quy định tại điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định này; Thẻ thường trú hoặc giấy tờ pháp lý tương đương đối với hộ gia đình, cá nhân người nước ngoài quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị định này; văn bản đăng ký hoạt động của khách sạn quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định này; Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đối với doanh nghiệp quy định tại điểm e, điểm g khoản 2 Điều 22 Nghị định này;

c) Bản sao văn bản thuê, mượn địa điểm lắp đặt thiết bị trong trường hợp thiết bị không được lắp đặt tại địa điểm ghi trong Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Thẻ thường trú, Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

d) Hồ sơ lập thành 01 (một) bộ bản chính nộp về Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh bằng một trong các hình thức sau: Nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia và cơ quan, tổ chức phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thông báo cho đơn vị, cá nhân nộp hồ sơ bằng văn bản giấy hoặc điện tử và nêu rõ lý do.

đ) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh. Trường hợp không cấp đăng ký, Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản giấy hoặc điện tử trả lời nêu rõ lý do;

e) Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh theo biểu mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

g) Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh có hiệu lực tối đa 05 (năm) năm kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn có hiệu lực ghi trong Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Thẻ thương trú, Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

3. Hồ sơ, thủ tục đăng ký sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung; đối với trường hợp thay đổi địa điểm lắp đặt, cần có bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản chứng minh quyền sở hữu, thuê, mượn địa điểm mới;

b) Hồ sơ lập thành 01 (một) bộ bản chính nộp về Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh bằng một trong các hình thức sau: Nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia và cơ quan, tổ chức phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ;

c) Trong thời hạn 08 (tám) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh. Trường hợp không cấp đăng ký, Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Điều 25. Báo cáo nghiệp vụ

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ và biểu mẫu báo cáo đối với tình hình hoạt động phát thanh, truyền hình; hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình; hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình; hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

2. Các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình có trách nhiệm:

a) Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình theo yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) và Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố nơi có triển khai hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình;

b) Chứng minh tính chính xác của nội dung và số liệu báo cáo khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Các đơn vị có giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình, giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh, truyền hình trong nước, giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có trách nhiệm:

a) Báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình hoạt động phát thanh, truyền hình; hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền

hình; hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Chứng minh tính chính xác của nội dung và số liệu báo cáo khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có trách nhiệm sử dụng nội dung và số liệu báo cáo nghiệp vụ để phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Quy định chuyển tiếp

1. Các giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước, giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền của Báo và phát thanh, truyền hình các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa thực hiện hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép theo thông tin mới của cơ quan báo chí sau sáp nhập tiếp tục có hiệu lực đến ngày 01 tháng 3 năm 2027.

2. Các giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước, giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền của các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình Trung ương tiếp tục có hiệu lực hết thời hạn giấy phép, trừ trường hợp bị thu hồi giấy phép theo quy định.

3. Các giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn giấy phép, trừ trường hợp bị thu hồi giấy phép theo quy định.

4. Các giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn giấy chứng nhận, trừ trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận theo quy định.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 28. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT,

TM. CHÍNH PHỦ